

Hà nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2013

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Năm báo cáo: 2013

I- Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : SONG DA consulting joint stock company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0100105454 ngày 23/2/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà nội cấp lần đầu và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 theo số 0100105454 ngày 29/8/2013.
- Vốn điều lệ : 26.097.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 26.097.100.000 đồng
- Địa chỉ : Nhà G9 số 495 – Đường Nguyễn Trãi – Thanh Xuân Nam – Quận Thanh Xuân – Hà Nội.
- Điện thoại : 043.8542209.
- FAX : 043.8545855
- Website : www.sdcc.com.vn
- Mã cổ phiếu SDC

2. Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà tiền thân là Xí nghiệp thiết kế Sông Đà được thành lập năm 1975, sau nhiều lần được đổi tên cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ, Năm 2001 được đổi tên thành Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà trên cơ sở hợp nhất các Đơn vị : Công ty tư vấn và khảo sát thiết kế; Công ty thiết kế tự động hoá CODEMA; Trung tâm thí nghiệm xây dựng Miền Bắc; Trung tâm thí nghiệm xây dựng Miền Nam; Phòng tư vấn giám sát chất lượng thuộc Tổng công ty Sông Đà.

Công ty đã được cấp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào tháng 6/2002 và cấp lần 2 vào ngày 15/1/2013.

Đến cuối năm 2004, Công ty đã tiến hành thực hiện cổ phần hoá và được đổi tên thành Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà theo quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28/10/2004 và

quyết định 57/QĐ-BXD ngày 14/1/2005 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà thành Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.

Tháng 11 năm 2006 Công ty đã thực hiện niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SDC (vốn điều lệ ban đầu là : 15.000.000.000 đồng).

Sau 38 năm xây dựng và trưởng thành, công ty cổ phần tư vấn Sông Đà đã có bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực thiết kế, khảo sát, tư vấn giám sát, thí nghiệm các công trình thủy điện lớn trong nước như: Thủy điện Thác Bà, Hoà bình, Yaly, Vĩnh Sơn, Sông Hinh, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Tuyên Quang, Sơn La, Nậm chiến, Bình Điền, Sử pán, Đakđrinh, Sơn La, Lai châu, Bảo Lâm...; các công trình thủy điện nước ngoài : Xekaman 1, Xekaman 3, Xekaman 4, Sekong 4 tại Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào. Các công trình công nghiệp dân dụng: Nhà máy Xi măng Tuyên Quang, Xi măng Sông Đà, Xi măng Yaly, Xi măng Hạ Long, Nhà máy thép Việt - Ý ...Các công trình giao thông lớn như : Đường Hồ Chí Minh, Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân...

Trong quá trình phát triển, Công ty đã 2 lần được tặng thưởng huân chương lao động hạng 3, nhiều bằng khen của Chính phủ và Bộ xây dựng. Nhiều năm được Tổng công ty Sông Đà tặng cờ thi đua cho Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Đơn vị CBCNV có thu nhập cao nhất.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- **Ngành nghề kinh doanh** (Các ngành nghề chính chiếm 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất):
 - Thiết kế xây dựng các công trình thủy điện.
 - Khảo sát địa hình, địa chất các công trình.
 - Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.
 - Tư vấn giám sát xây dựng
- **Địa bàn kinh doanh** (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính chiếm 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất):
 - Tỉnh Lai châu.
 - Tỉnh Sơn La.
 - Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

• Mô hình quản trị :

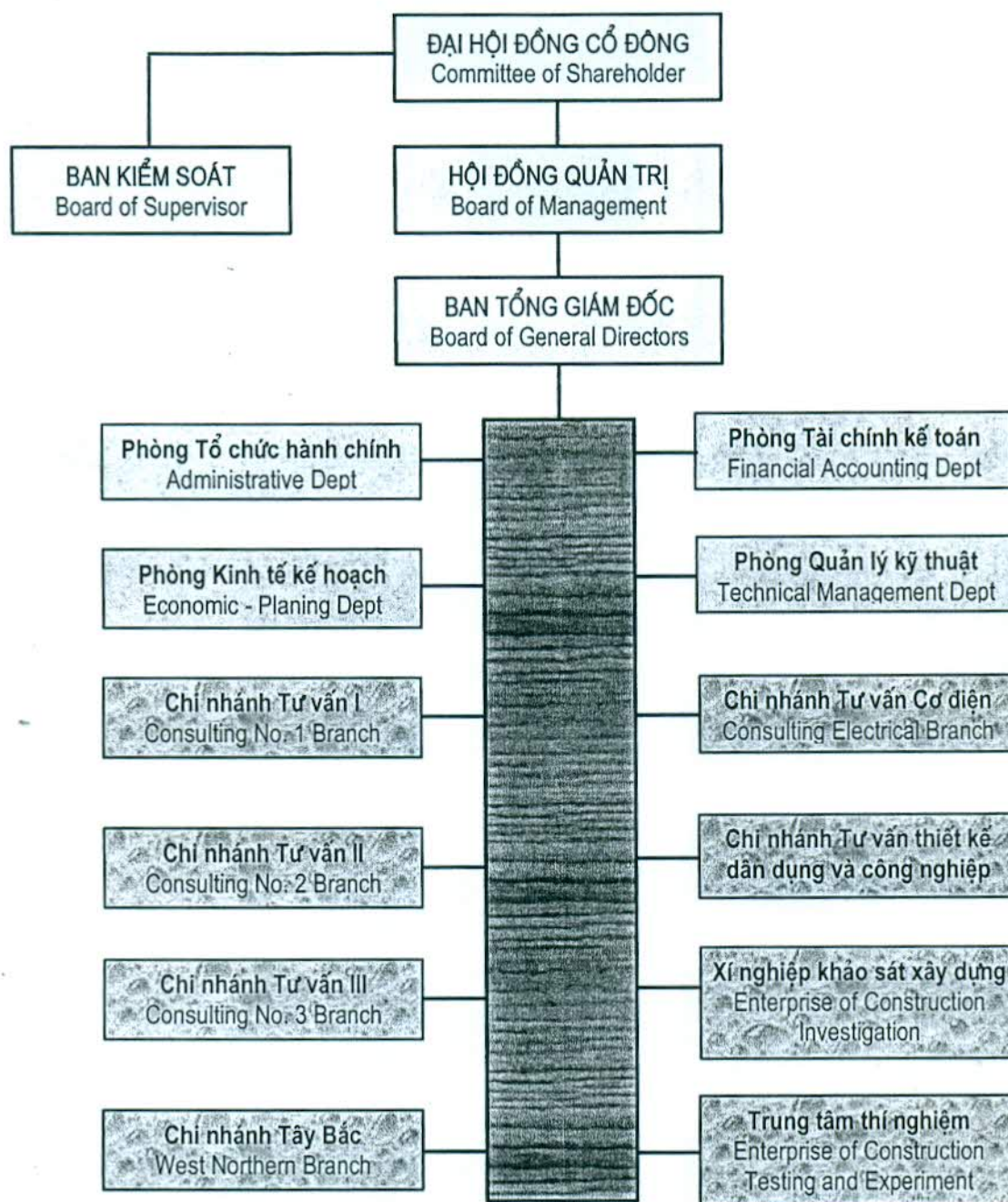
Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và là Công ty đại chúng được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và điều hành trực tiếp là Tổng Giám đốc, giúp việc cho Tổng Giám đốc có 4 phòng ban nghiệp vụ. Các chi nhánh trực thuộc Công ty là 8 Đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoạt động theo phân cấp quản lý của Công ty .

Công ty thực hiện chức năng quản lý và điều hành của mình đối với các chi nhánh thông qua định hướng phát triển, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch, bố trí máy móc thiết bị, nhân lực cho các Chi nhánh và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện công việc, tiến độ và kế hoạch được giao.

Quản trị Công ty với các chi nhánh thông qua việc phân cấp quản lý, ban hành định mức, đơn giá và các quy chế quản lý nội bộ. Kiểm tra thường xuyên thông qua hoạt

động giao ban hàng tuần, kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch hàng quý, định kỳ 6 tháng kiểm tra tài chính và việc thực hiện các quy định công ty đã ban hành tại các Chi nhánh trực thuộc.

• **Cơ cấu bộ máy quản lý :**



• **Các công ty con, công ty liên kết :**

- **Công ty Con :**

➤ **TNNH Kỹ thuật Việt Nam - Canada:**

Địa chỉ : Nhà G10 - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Hà Nội .

Lĩnh vực kinh doanh chính: Cung cấp các dịch vụ tư vấn, thiết kế, khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng công trình .

Vốn điều lệ thực góp : 300.000 USD

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tư vấn cổ phần Sông Đà tại Công ty con : 51 %

➤ **Công ty phát triển đô thị và nông thôn Sông Đà :**

Địa chỉ : Thôn Lại Xá – Xã Thanh Thủy - Thanh Hà - Hải Dương.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Khai thác và cung cấp nước .

Vốn điều lệ thực góp : 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tư vấn cổ phần Sông Đà tại Công ty con : 73,48 %

- **Công ty liên kết : Công ty cổ phần thủy điện Đakđoa**

Địa chỉ : Số 138- Tôn Đức Thắng - TP Pleiku - Tỉnh Gia Lai.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh điện .

Vốn điều lệ thực góp : 83.065.900.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu Công ty tư vấn cổ phần Sông Đà tại Công ty liên kết : 28,89 %

5. Định hướng phát triển :

• **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

- Phân đấu đến năm 2015 trở thành Công ty tư vấn mạnh trong nước cũng như trong khu vực về lĩnh vực tư vấn xây dựng, có đủ khả năng đảm nhận các công việc tư vấn cho các dự án của Tổng công ty Sông Đà đầu tư hoặc Tổng công ty Sông Đà được giao làm tổng thầu.
- Phân đấu đến năm 2015 đưa lĩnh vực tư vấn quản lý dự án, tư vấn đầu tư và thực hiện dự án trở thành ngành nghề chủ đạo của Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt, nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn các dự án năng lượng ngang với các nước trong khu vực. Cùng cố và phát triển đội ngũ cán bộ tư vấn giám sát; tư vấn thiết kế dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn trong lĩnh vực nhiệt điện; tư vấn quản lý dự án để đáp ứng yêu cầu trong phát triển sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, kinh doanh cho thuê trụ sở và văn phòng làm việc, sản xuất vật liệu xây dựng, cung cấp nước sạch, kinh doanh điện.
- Không ngừng duy trì và phát triển hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 trong toàn Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Hợp tác với các đơn vị tư vấn mạnh trong và ngoài nước, liên danh, liên kết, đào tạo và phối hợp tham gia đấu thầu, tư vấn các dự án mà Công ty còn chưa đủ năng lực tự thực hiện.

• **Chiến lược phát triển trung và dài hạn :**

Cơ cấu ngành nghề trong giá trị SXKD đến năm 2020 như sau :

- Giá trị tư vấn xây dựng chiếm khoảng 70% trong tổng giá trị SXKD, trong đó:
 - ✓ Giá trị tư vấn khảo sát, thiết kế chiếm khoảng 40%.
 - ✓ Giá trị tư vấn quản lý dự án chiếm khoảng 14%.
 - ✓ Giá trị tư vấn kiểm tra vật liệu, đánh giá chất lượng công trình chiếm khoảng 17%.
- Giá trị kinh doanh, xây lắp nhà và hạ tầng chiếm khoảng 20% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh khác chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị SXKD.
- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty :**
 - Trong quá trình khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, công ty luôn đặt mục tiêu giảm thiểu thấp nhất đến diện tích mất đất rừng, phòng ngừa và giảm thiểu sự gia tăng ô nhiễm trong công nghiệp.
 - Đầu tư sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết, cung cấp nước sạch hợp vệ sinh nhằm cải thiện đời sống sinh hoạt cho Nhân dân.
 - Đối với xã hội: Công ty luôn động viên CBCNV hưởng ứng nhiệt tình các phong trào ủng hộ giúp đỡ người nghèo, nhân dân các vùng thiên tai bão lụt và biển đảo của Tổ quốc.
 - Đối với cộng đồng công ty: Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua việc xây dựng văn hoá Doanh nghiệp, giáo dục ý thức đạo đức, nghề nghiệp cho CBCNV, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một tập thể đoàn kết, vững mạnh và phát triển bền vững.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013 :

Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 trong tình hình nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi nhưng còn rất chậm do đó gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công việc mới. Một số công trình chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn dẫn đến không triển khai theo đúng tiến độ, bên cạnh đó một số công trình lớn như thủy điện Bản Vẽ, Hòa Na, Sơn La đã hoàn thành làm cho các chỉ tiêu thực hiện của năm 2013 thấp hơn so với năm trước và Giá trị sản xuất kinh doanh năm 2013 chỉ đạt 83% kế hoạch được giao. Tuy nhiên với những cố gắng của CBCNV trong công ty, các chỉ tiêu khác trong năm 2013 đều hoàn thành kế hoạch được giao.

Cụ thể :

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013		
				Kế hoạch	Thực hiện	% HTKH
A	Kế hoạch sản xuất kinh doanh					
I	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	10⁶đ	113.515	95.045	78.498	83%
1	Giá trị khảo sát	10 ⁶ đ	52.528	27.640	17.606	64%
2	Giá trị thiết kế	10 ⁶ đ	18.983	30.000	14.268	48%
3	Giá trị tư vấn giám sát	10 ⁶ đ	8.408	10.131	5.959	59%
4	Giá trị thí nghiệm	10 ⁶ đ	32.728	24.050	34.992	145%
5	Giá trị SXKD khác	10 ⁶ đ	868	3.224	5.673	176%
II	Doanh thu	10⁶đ	103.291	91.301	91.283	100%
III	Lợi nhuận	10⁶đ	6.543	4.086	4.724	116%
IV	Nộp Nhà nước	10⁶đ	10.267	12.215	16.150	132%
V	Lao động và tiền lương					
1	CBCNV bình quân	Người	495	500	406	81%
2	Thu nhập bình quân/người/tháng	10 ⁶ đ	6,295	6,385	7,652	120%
B	Giá trị đầu tư	10⁶đ	1.321	1.000	2.698	270%

2. Tổ chức nhân sự :

- **Danh sách Ban điều hành :** Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc Công ty

➤ **Họ và tên : PHẠM VĂN HÙNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 06/08/1960

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Thanh Thủy, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ thường trú : P.203 H1, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc
Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ : 8.743 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : NGUYỄN ĐẠI THỤ**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/01/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Gia Khánh - Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú : 50 ngách 310/90 đường Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên,
thành phố Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, thạc sỹ kỹ thuật

Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc
Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.209 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : ĐỖ DUY THÁP**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/02/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Nam Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú : Nhà 32 – LK10-KĐT Văn Khờ - Phường La Khờ - Hà đống
- Hà Nội

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 7.347 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : ĐỖ SƠN HẢI**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02/07/1959

Quê quán : Xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ thường trú : 404 H1, P.Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy mỏ
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 10.479 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : PHẠM VĂN TÍCH**

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 15/08/1960
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ thường trú : Toà nhà Sụng Đà - Nhõn chõnh - Phường Nhõn Chõnh Quõn
Thanh Xuõn – Hà Nội
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thuỷ lợi.
Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 4.593 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ **Họ và tên: LÊ THỊ THIÊN KIM**

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 21/8/1963
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Phù Vân - Kim Bảng - Hà Nam.
Địa chỉ thường trú : Lờ B-NV33-KĐT Trung Hoà Nhõn Chõnh – Phường Nhõn
chõnh – Quận Thanh Xuõn – Hà Nội
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ hiện nay : Phó tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty
Số cổ phần nắm giữ : 51 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)
Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

➤ **Họ và tên : LÊ MINH QUYẾT**

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 7/8/1976

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xóm Duy Minh - Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú : Số 41 – Ngõ 145 - Định công Thượng - P. Định công -
Quận Hoàng mai - Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Kế toán
Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0
Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

• **Những thay đổi trong Ban Điều hành :**

Ông Lê Minh Quyết được bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty thay Bà Đinh Thị Nở nghỉ chế độ từ Tháng 4/2013.

• **Số lượng CBCNV :**

Đến thời điểm 31/12/2013 số lượng CBCNV trong Công ty là: 395 người

Trên Đại học : 12 người

Đại học : 217 người

Cao đẳng : 14 người

Trung cấp : 38 người

Sơ cấp : 8 người

Công nhân kỹ thuật : 106 người

• **Các chính sách với người lao động :**

- Công ty trú trọng đến công tác phát triển đội cán bộ quản lý, thông qua việc cử một số cán bộ đi học các lớp quản lý, ngoại ngữ, đào tạo sau Đại học.
- Có chính sách đãi ngộ về lương, thưởng và cơ hội thăng tiến cho các cán bộ kỹ sư có năng lực nhằm khuyến khích người lao động luôn tâm huyết với công việc và gắn bó với Công ty.
- Thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV trong Công ty, đặc biệt là người lao động đang làm việc tại các công trình, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phương tiện làm việc. Đa dạng hoá các hình thức khen thưởng, xây dựng cơ chế thưởng hợp lý nhằm động viên, khuyến khích CBCNV nhiệt tình công tác và nâng cao năng suất lao động. Chi trả lương và các chế độ khác kịp thời, đảm bảo đời sống cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

• **Các khoản đầu tư lớn :**

Tháng 9 năm 2013 Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà thực hiện góp bổ sung vốn điều lệ số tiền: 1.337.000.000 đồng vào Công ty cổ phần phát triển đô thị và nông thôn Sông Đà nâng tỷ lệ sở hữu từ 45,33% lên 73,48% vốn điều lệ thực góp.

- **Các Công ty con, Công ty liên kết:**

- **Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam – Canada (Công ty con):**

Là công ty có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty Mẹ, trong năm 2013 Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam - Canada chủ yếu thực hiện một số công trình mới triển khai như Xekaman 3A&3B, thủy điện Hà tây chưa có doanh thu do đó lỗ chi phí quản lý số tiền : 299 triệu đồng.

- **Công ty phát triển đô thị và nông thôn Sông Đà:**

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là cung cấp nước uống tinh khiết đóng chai và nước sinh hoạt, do mới được thành lập sản phẩm chủ yếu cung cấp cho nhân dân địa phương và một số cơ quan tại Hà Nội. Thị phần chưa cao bên cạnh đó phải chịu chi phí khấu hao, chi phí quản lý, bán hàng làm cho kết quả kinh doanh lỗ : 116 triệu đồng

- **Công ty cổ phần thủy điện Đakđoa:**

Dự án nhà máy thủy điện Đakđoa đã đi vào khai thác, song năm 2013 khu vực Tây nguyên có lượng mưa ít ảnh hưởng đến sản lượng cung cấp điện năng của Công ty. Kết quả kinh doanh năm 2013 lãi: 5,2 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT : 10⁶ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	194.911	176.021	-9,69%
2	Doanh thu thuần	103.067	83.152	-19,32%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.718	1.431	-61,51%
4	Lợi nhuận khác	2.826	3.292	16,52%
5	Lợi nhuận trước thuế	6.544	4.724	-27,82%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	6%	-40,00%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	111,56%	112,08%
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	89,33%	89,21%
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ / Tổng tài sản	74,56%	71,94%
	- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	293,09%	256,32%
3	Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân)	2,85	2,00
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	52,88%	47,24%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	4,16%	3,65%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	8,65%	6,14%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	2,20%	1,72%
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,61%	1,72%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1. Cổ phần :

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn: 2.609.710 cổ phần

Cổ phần đang lưu hành: 2.609.648 cổ phần

Số lượng cổ phần tự do: Không

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

2. Cơ cấu cổ đông (đến ngày 3/4/2014):

- Cổ đông sáng lập Tổng công ty Sông Đà : 1.331.100 cổ phần giữ 51,0% VDL

- Các cổ đông nước ngoài : 200.205 cổ phần giữ 7,6% VDL

- Cổ đông lớn (Phạm Anh Đức TV HĐQT) : 327.468 cổ phần giữ 12,5% VDL

- Cổ đông tổ chức trong nước : 10.092 cổ phần giữ 0,4% VDL
 - Các cá nhân khác : 740.783 cổ phần giữ 29,34% VDL
3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
 4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không
 5. **Các chứng khoán khác:** Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 vẫn là một năm đầy khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng nói riêng. Nền kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên còn rất chậm, ảnh hưởng của ngành còn rất lớn, việc cung cấp vốn từ ngân hàng cho các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Những yếu tố bất lợi trên đã và đang tác động mạnh đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, mở rộng thị trường và tìm kiếm công việc của Công ty. Cụ thể:

Do chủ đầu tư không thu xếp được vốn giải ngân theo tiến độ dự án nên công tác nghiệm thu thanh toán gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến giá trị dở dang, công nợ lớn, chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi tăng cao.

Công ty phải cạnh tranh gay gắt về giá tư vấn xây dựng với các đơn vị tư vấn khác. Đặc biệt là trong khi đơn giá khảo sát, thí nghiệm, thiết kế không được điều chỉnh trong đầu thu thì giá các chi phí đầu vào như giá nhiên liệu, vật tư, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác khảo sát, thí nghiệm và các phần mềm tính toán cần thiết cho công tác tư vấn đều tăng cao hơn so với các năm trước. Đây là một áp lực lớn của Công ty trong việc đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong năm 2013.

Trong điều kiện hết sức khó khăn nêu trên thì sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên. Tất cả đã đoàn kết, thống nhất với quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo đời sống cho CBCNV, Cụ thể như sau:

- **Tổng giá trị SXKD thực hiện 78,5 tỷ đồng/kế hoạch là 95,0 tỷ đồng đạt 83% kế hoạch năm.**

Trong năm 2013, Công ty đã đảm bảo tiến độ và chất lượng của công tác tư vấn đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư đồng thời góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ tại các công trình trọng điểm như: công trình thủy điện Lai Châu; khảo sát, thiết kế - thủy điện Bảo Lâm 3, khảo sát địa hình địa chất - CTTĐ Xêkaman 3A, 3B; giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị - Dự án Trung tâm trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh; thiết kế BVTC Hàm Cỏ Mả; Dự án Hàm đường bộ Phước Tượng, Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế,...

Tuy nhiên việc chủ đầu tư chậm triển khai công tác khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế, tư vấn giám sát và thí nghiệm của một số công trình lớn như: thủy điện Sê Kông 3, thủy điện Xêkaman 4, thủy điện Sập Việt, thủy điện Minh Lương,... đã khiến cho tổng giá trị sản xuất kinh doanh của toàn Công ty năm 2013 không hoàn thành kế hoạch đề ra.

- **Tổng doanh thu thực hiện 91,2 tỷ đồng/kế hoạch là 91,3 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm.**

Năm 2013, Công ty đã tập trung đẩy mạnh nghiệm thu thanh toán đối với phần sản lượng thực hiện của một số công trình thủy điện có giá trị lớn như : Lai Châu, Xêkaman 1, Xêkaman 3, Đăkđrinh, Nậm Chiến, TĐ Đồng Nai 5, ... đồng thời thu triệt để sản lượng phát sinh trong kỳ và sản lượng dở dang đầu kỳ như : Công trình TĐ Sork Phumiêng, công tác thiết kế hồ thủy lợi Đá Bàn, kiểm định an toàn 4 hồ chứa nước huyện Chương Mỹ, công tác thí nghiệm các công trình thủy điện : Sơn La, Nậm chiến, Xekaman 3, Nậm mớ, Nậm mức, Vĩnh sơn 5, Hủa Na, ... đã làm giảm giá trị sản lượng dở dang, đảm bảo hoàn thành kế hoạch doanh thu.

- **Tổng giá trị nộp Nhà nước : Thực hiện 16,1 tỷ đồng/kế hoạch là 12,2 tỷ đồng đạt 132% kế hoạch năm.**
- **Giá trị lợi nhuận : Thực hiện 4,7 tỷ đồng/kế hoạch là 4,0 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm.**

Trong năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công nợ phải thu theo thông tư 228/2009/TT-BTC số tiền: 10,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, với các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

- **Giá trị đầu tư : Thực hiện: 2,4 tỷ đồng/ kế hoạch là 1,0 tỷ đồng đạt 240% kế hoạch năm.**
- Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh : 1,136 tỷ đồng, bao gồm :
 - + Đầu tư thiết bị tin học phục vụ công tác thiết kế : 71 triệu đồng.
 - + Đầu tư thiết bị phục vụ công tác khảo sát : 121 triệu đồng.
 - + Đầu tư thiết bị phục vụ thí nghiệm : 242 triệu đồng.
 - + Đầu tư khác : 456 triệu đồng.
- Đầu tư tài chính (góp vốn cổ phần vào Công ty cổ phần Phát triển đô thị và nông thôn Sông Đà) : 1,337 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài sản :

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2013: 176 tỷ đồng. Giảm 18,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó :

- Tài sản ngắn hạn : 140,9 tỷ đồng, giảm 20,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền: 10,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty đã có rất nhiều cố gắng trong công tác nghiệm thu thanh toán và thu hồi công nợ đã làm giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang : 3,4 tỷ đồng và giảm số dư công nợ phải thu khách hàng : 7,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước
- Tài sản dài hạn : 35,123 tỷ đồng, tăng 1,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do khấu hao TSCĐ làm giảm giá trị 0,3 tỷ đồng ; đầu tư tài chính vào công ty con tăng : 1.3 tỷ đồng; chi phí trả trước dài hạn tăng : 0,6 tỷ đồng. Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn : 27 triệu đồng.

b. Tình hình nợ phải trả :

Tổng nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2013: 126,6 tỷ đồng. Giảm 18,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó :

- Nợ ngắn hạn: 125,7 tỷ đồng, giảm 18,9 tỷ đồng do các biến động lớn sau: Công nợ phải trả người bán giảm 12,3 tỷ đồng ; phải trả người lao động giảm: 5,7 tỷ đồng ; các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác giảm: 3,7 tỷ; Vay ngắn hạn tăng : 3 tỷ đồng do Công ty vay Ngân hàng để trả lương cho người lao động;
- Nợ dài hạn : 0,9 tỷ đồng tăng 0,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, do Công ty trả hết số dư vay dài hạn và trích lập thêm quỹ phát triển khoa học công nghệ làm biến động tăng nợ dài hạn lên 0,2 tỷ đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý :

- Áp dụng các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Đơn vị thông qua việc phân tích hoạt động kinh tế; rà soát lại hệ thống định mức, đơn giá nội bộ; ban hành và hoàn thiện các quy chế quản lý tài chính để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Luôn quan tâm đến công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn và công nợ, tiếp cận với các kênh huy động vốn để đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị. Chi trả lương kịp thời cho người lao động, không còn tình trạng nợ lương CBCNV kéo dài.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá năng lực, tiếp thị, mở rộng thị trường, có cơ chế chính sách khuyến khích CBCNV tham gia tìm kiếm việc làm. Tập trung vào các sản phẩm truyền thống, đồng thời từng bước thay đổi cơ cấu sản phẩm theo định hướng phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc và nâng cao quản trị của Công ty giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020” phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty và tình hình thực tế của Công ty
- Đầu tư nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo và chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV. Có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với người lao động nhằm xây dựng Công ty phát triển bền vững với đội ngũ CBCNV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý.
- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.
- Tích cực chỉ đạo đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn tại các công trình đang triển khai, đồng thời giải quyết dứt điểm công nợ tồn đọng để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và giảm chi phí lãi vay đến mức thấp nhất.
- Xem xét thoái vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà tại một số Công ty con, công ty liên kết để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Những mặt làm được

- Trong năm 2013, Công ty cơ bản đã đảm bảo tiến độ và chất lượng của công tác tư vấn đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư đồng thời góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ tại các công trình như: công trình thủy điện Lai Châu; khảo sát, thiết kế - thủy điện Bảo Lâm 3, khảo sát địa hình địa chất – thủy điện Xêkaman 3A, 3B; giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị - Dự án Trung tâm trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh, Dự án khu đô thị mới Nam Xa La, Dự án hệ thống đường thi công khu công nghệ cao Hòa Lạc; thiết kế BVTC Hàm Cỏ Mả; Dự án Hàm đường bộ Phước Tượng, Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế, ...
- Mặc dù gặp khó khăn do nền kinh tế đang phục hồi rất chậm, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng mà Công ty đang hoạt động, nhưng Công ty vẫn nỗ lực, cố gắng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh là 78,498 tỷ đồng/95,049 tỷ đồng đạt 83% kế hoạch năm, doanh thu 91,283/91,301 đạt 100% kế hoạch năm, lợi nhuận là 4,724 tỷ đồng /4,086 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm, thu nhập bình quân lao động là 7,652 triệu đồng/6,385 triệu đồng đạt 120% kế hoạch năm.
- Tổ chức triển khai việc kiểm tra nội bộ công tác tài chính và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Tăng cường công tác xúc tiến và đẩy mạnh tiếp thị để nhận thực hiện đầu tư, tư vấn, kiểm định các dự án xây dựng giao thông, dân dụng, công nghiệp và đang thực hiện các dự án như: Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất nhà máy ván sợi ép Gia Lai; giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị - Dự án Trung tâm trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh, Dự án khu đô thị mới Nam Xa La, Dự án hệ thống đường thi công khu công nghệ cao Hòa Lạc; kiểm định an toàn đập - Dự án thủy điện Srok Phu Miêng, kiểm định an toàn đập các hồ chứa thuộc huyện Chương Mỹ và Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; TKBVTC Hàm Cỏ Mả; Dự án Hàm đường bộ Phước Tượng, Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế,
- Hoàn thành nghĩa vụ chi trả cổ tức năm 2011, 2012 cho các cổ đông.

• Những tồn tại:

- Do điều kiện địa chất tại công trình thủy điện Xêkaman 3 quá phức tạp nên công tác tư vấn tại công trình chưa kết thúc.
- Giá trị sản xuất kinh doanh còn thấp, chưa hoàn thành kế hoạch được giao do một số công trình chậm triển khai theo tiến độ, trong khi công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm chưa đem lại hiệu quả cao.
- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán được cải thiện, nhưng thu tiền về tài khoản mới chỉ đạt 92% kế hoạch năm, sản lượng dở dang và công nợ còn lớn. Trong năm đã trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ tài chính trên 10 tỷ đồng đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công ty đã cải tiến chính sách đãi ngộ với những cán bộ kỹ sư có năng lực nhưng vẫn chưa thật sự phù hợp trong điều kiện có nhiều sự lựa chọn như hiện nay do đó nạn chảy máu chất xám vẫn tiếp tục diễn ra ảnh hưởng đến chiến lược phát triển nhân lực hiện tại và trong tương lai.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc của Công ty:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng, nhiệm vụ đã được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành.
- Với sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, năm 2013 Công ty hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu đã được Đại hội cổ đông thông qua, riêng chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh đạt 83% kế hoạch do các nguyên nhân đã phân tích ở trên.
- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty hoạt động theo đúng các quy định của Pháp luật và bảo toàn được vốn kinh doanh.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc và nâng cao quản trị của Công ty giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020” phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty và tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013 - 2017, tầm nhìn đến năm 2020.
- Tái cơ cấu về tổ chức bộ máy, con người, tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng cho CBCNV Công ty, tăng cường tiếp thị, tìm kiếm công việc trong các lĩnh vực mới, nhằm chuyển dịch và nâng cao tỷ trọng sản phẩm mới trong cơ cấu ngành của Công ty theo định hướng phát triển, đồng thời hoàn thành nhiệm SXKD năm 2014 đã được thông qua.
- Tập trung chỉ đạo, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, tiến độ, chất lượng các dự án mà Công ty đang thực hiện.
- Tập trung chỉ đạo, giải quyết vướng mắc tại các công trình để thực hiện việc nghiệm thu thanh quyết toán, thu hồi công nợ.
- Thu xếp nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và tìm mọi biện pháp để đảm bảo trả nợ cho các tổ chức tín dụng, trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông.
- Xây dựng phương án thoái vốn đầu tư của Công ty vào các doanh nghiệp khác hoạt động không hiệu quả.
- Xây dựng các cơ chế, chính sách quản lý phù hợp với điều kiện phát triển của thị trường, đưa ra các giải pháp đột phá để tạo việc làm cho người lao động.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Phối hợp và tăng cường công tác giám sát với Ban giám đốc điều hành trọng chỉ đạo SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2014.

V. Quản trị Công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT gồm có 5 thành viên

- Ông Trịnh Văn Thới - Chủ tịch HĐQT - Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 26,01 %

- Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty - Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 10,34 %
- Ông Nguyễn Văn Tiến - Thành viên HĐQT - Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 10 %
- Ông Nguyễn Đại Thụ - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty, với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 0.08 %
- Ông Phạm Anh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông lớn với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 12,55 %

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : HĐQT không thành lập tiểu ban trực thuộc.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Định kỳ hàng quý HĐQT tổ chức họp đánh giá, kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ trong quý và thông qua kế hoạch hoạt động của quý tiếp theo.
- HĐQT thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật trong hoạt động SXKD, tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột suất theo quy định của Luật Chứng khoán, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với các thành phần có liên quan khác trong xã hội.
- Năm 2013, HĐQT thực hiện công tác quản lý Công ty bằng biện pháp xây dựng hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý nội bộ, phê duyệt và giao kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và các kế hoạch khác của năm, quý theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành. Hàng tuần kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành các cấp, hàng quý họp với giám đốc điều hành để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch SXKD trong quý và thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành. Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc.

c. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty :

- Ông Trịnh Văn Thới - Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT .
- Ông Nguyễn Văn Tiến - Thành viên HĐQT .
- Ông Nguyễn Đại Thụ - Thành viên HĐQT .

2. Ban kiểm soát :

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên

- Ông Nguyễn Minh Tiến - Trưởng ban - Đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết : 5 %
- Bà Nguyễn Thị Lợi - Cổ đông với tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,02%
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Đại diện cho cổ đông lớn, tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty họp mỗi quý một lần để xem xét báo cáo tài chính, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát :

- a. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích : Có phụ lục số 01 kèm theo
- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có
- c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

VI – Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (Hợp nhất)

Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán Đông Á :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. (Ông Nguyễn Văn Vụ - Kiểm toán viên và Ông Vũ Đức Thắng - Phó Tổng Giám đốc thay mặt cho Công ty TNHH kiểm toán Đông Á đã ký)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B01 - HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		146.933.056.629	167.858.697.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.555.758.776	4.776.354.580
1. Tiền	111	4	5.555.758.776	4.776.354.580
III. Các khoản phải thu	130		98.572.553.366	119.493.259.022
1. Phải thu của khách hàng	131		99.154.686.484	109.444.957.363
2. Trả trước cho người bán	132		799.011.324	861.429.056
5. Các khoản phải thu khác	135	5	9.931.211.332	10.261.147.848
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.312.355.774)	(1.074.275.245)
IV. Hàng tồn kho	140	6	35.395.779.683	37.525.402.149
1. Hàng tồn kho	141		35.395.779.683	37.525.402.149
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.408.964.804	6.063.682.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		476.437.608	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6.932.527.196	6.063.682.166
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		40.598.257.666	34.263.245.497
II. Tài sản cố định	220		6.580.430.890	2.719.048.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.247.496.926	2.719.048.031
- Nguyên giá	222		28.482.321.984	27.340.828.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.234.825.058)	(24.621.780.830)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		446.300.864	473.457.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.300.864)	(473.457.150)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		332.933.964	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.559.372.696	31.400.000.003
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	25.686.562.698	-
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	6.900.000.003	31.400.000.003
5. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(27.190.005)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.458.454.080	144.197.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.458.454.080	144.197.463
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.531.314.295	202.121.943.414

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B01 - HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		134.008.356.208	149.927.501.763
I. Nợ ngắn hạn	310		132.661.869.253	149.249.734.444
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	9.276.997.049	6.253.572.000
2. Phải trả cho người bán	312		47.036.455.250	58.917.934.235
3. Người mua trả tiền trước	313		26.317.050.815	24.028.901.737
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	9.837.709.275	9.213.803.064
5. Phải trả công nhân viên	315		22.802.878.943	28.081.669.934
6. Chi phí phải trả	316	14	258.932.000	1.265.802.337
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	16.819.063.491	20.523.248.501
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		312.782.430	964.802.636
II. Nợ dài hạn	330		1.346.486.955	677.767.319
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	207.730.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		556.449.636	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		790.037.319	470.037.319
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		50.685.437.613	49.731.169.641
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	50.685.437.613	49.731.169.641
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.502.618.712	8.502.618.712
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(620.000)	(620.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.729.594.633	8.705.997.494
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.509.272.217	2.294.699.564
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.847.472.051	4.131.373.871
B LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỞ	439		2.837.520.474	2.463.272.010
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.531.314.295	202.121.943.414

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B02 – HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.475.198.057	105.672.876.377
2. Các khoản giảm trừ	02		567.944.896	224.052.227
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	85.907.253.161	105.448.824.150
4. Giá vốn hàng bán	11	18	63.850.308.844	90.147.253.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.056.944.317	15.301.570.489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.706.802.494	151.570.399
7. Chi phí tài chính	22	20	1.227.148.578	2.040.361.139
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.098.692.921	1.886.423.774
8. Chi phí bán hàng	24		166.150.089	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.384.746.120	10.091.708.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		985.702.024	3.321.070.779
11. Thu nhập khác	31	21	5.564.083.467	5.468.114.475
12. Chi phí khác	32	22	2.241.587.974	2.619.357.871
13. Lợi nhuận khác	40		3.322.495.493	2.848.756.604
14. Lãi, lỗ trong công ty liên kết	45		1.520.196.908	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.828.394.425	6.169.827.383
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.690.667.436	2.252.459.487
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.137.726.989	3.917.367.896
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số			(177.371.103)	(183.308.290)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			4.315.098.092	4.100.676.186
21. Lãi trên cổ phiếu	70	23	1.653	1.610

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B03 - HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	96.192.937.698	80.611.599.919
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.716.752.690)	(11.037.644.641)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.503.354.929)	(37.235.396.279)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.005.851.144)	(1.886.423.774)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.417.029.324)	(574.891.848)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.415.158.114	122.660.453
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.153.271.390)	(29.847.419.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.188.163.665)	152.483.847
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(386.211.091)	(1.033.163.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	72.580.000	185.840.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.034.044.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.258.161	101.566.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.741.627.070	(7.779.800.993)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.140.766.704	8.612.654.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.475.071.655)	(6.358.085.472)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.456.400.230)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	209.294.819	2.254.568.528
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	762.758.224	(5.372.748.618)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.776.354.580	10.149.067.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16.645.972	36.165
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.555.758.776	4.776.354.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 theo số 0100105454 ngày 29/8/2013. Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty là 26.097.100.000 đồng, tương ứng với 2.609.700 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDC.

Trụ sở chính của Công ty tại G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có 08 chi nhánh trực thuộc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thuỷ văn các công trình .
- ✓ -Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lí của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng các công trình xây dựng.
- ✓ Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi , thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với : Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị .
- ✓ Thiết kế các công trình thuỷ công, thuỷ điện .
- ✓ Thiết kế nhà máy thuỷ điện.
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế công trình cấp thoát nước
- ✓ Thiết kế cơ - điện công trình
- ✓ Thiết kế kết cấu đối với : công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- ✓ Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.

- ✓ Thẩm định Thiết kế và Tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A
- ✓ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Trang trí nội thất.
- ✓ Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng
- ✓ Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp.
- ✓ Thiết kế các công trình thủy lợi.
- ✓ Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ.
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ.
- ✓ Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- ✓ Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; SX nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai
- ✓ SX nước đá và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng PV sinh hoạt và công nghiệp

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của 2 công ty con – Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Việt Nam – Canada, Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Nông thôn Sông Đà và công ty liên kết – Công ty cổ phần thủy điện Đăk Đoa.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng năm.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ với công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, vàng tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; Năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập khác mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ của các khoản mục tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá sau đó được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	143.123.301	186.201.183
Tiền gửi ngân hàng	5.412.635.475	4.590.153.397
Cộng	5.555.758.776	4.776.354.580

5. Phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	7.034.044.240	7.034.044.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	1.347.220.967	1.870.594.705
Khác	1.549.946.125	1.356.508.903
Cộng	9.931.211.332	10.261.147.848

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.186.444	8.382.203
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.358.738.771	37.517.019.946
Thành phẩm	1.854.468	-
Cộng	35.395.779.683	37.525.402.149
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	35.395.779.683	37.525.402.149

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ ngắn hạn	798.627.680	787.726.117
Tạm ứng	6.133.899.516	5.275.956.049
Cộng	6.932.527.196	6.063.682.166

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	5.788.013.550	12.102.843.742	8.827.647.312	581.769.712	40.554.545	27.340.828.861
Mua trong kỳ	-	776.754.541	-	39.500.000	-	816.254.541
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	2.779.431.045	1.871.492.423	-	-	-	4.650.923.468
Thanh lý, nhượng bán	-	(354.738.000)	(517.873.833)	-	-	(872.611.833)
Giảm khác	-	(2.973.866.585)	(55.563.454)	(383.088.469)	(40.554.545)	(3.453.073.053)
Tại ngày 31/12/2013	8.567.444.595	11.422.486.121	8.254.210.025	238.181.243	-	28.482.321.984
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	5.788.013.550	10.132.733.353	8.149.077.658	513.680.365	38.275.904	24.621.780.830
Khấu hao trong năm	145.665.384	793.381.250	254.868.059	26.997.049	2.278.641	1.223.190.383
Tăng khác	277.943.112	155.957.700	-	-	-	433.900.812
Thanh lý, nhượng bán	-	(354.738.000)	(517.873.833)	-	-	(872.611.833)
Giảm khác	-	(2.736.868.747)	(53.607.381)	(340.404.461)	(40.554.545)	(3.171.435.134)
Tại ngày 31/12/2013	6.211.622.046	7.990.465.556	7.832.464.503	200.272.953	-	22.234.825.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	-	1.970.110.389	678.569.654	68.089.347	2.278.641	2.719.048.031
Tại ngày 31/12/2013	2.355.822.549	3.432.020.565	421.745.522	37.908.290	-	6.247.496.926

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 18.750.030.877 đồng (tại ngày 01/01/2013 là: 21.952.892.699 đồng).

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
Tại ngày 31/12/2013	<u>396.300.864</u>	<u>50.000.000</u>	<u>446.300.864</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
Tại ngày 31/12/2013	<u>396.300.864</u>	<u>50.000.000</u>	<u>446.300.864</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

10. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	25.686.562.698	-
Cộng	<u>25.686.562.698</u>	<u>-</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng -Karatie (*)	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (**)	1.500.000.003	1.500.000.003
Khác	3.000.000.000	3.500.000.000
Cộng	<u>6.900.000.003</u>	<u>31.400.000.003</u>

(*) Khoản đầu tư ủy thác qua Tổng công ty Sông Đà

(**) Công ty đang nắm giữ 172.500 cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	9.246.997.049	6.091.572.000
Vay cá nhân	30.000.000	162.000.000
Cộng	9.276.997.049	6.253.572.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng. 01/2013/HĐTDHM/NHCT-127-CTCPTVSD ngày 01/08/2013.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.127.061.123	4.652.879.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.429.738.269	2.156.100.157
Thuế thu nhập cá nhân	710.608.377	461.008.084
Các loại thuế khác	3.570.301.506	1.943.815.574
Cộng	9.837.709.275	9.213.803.064

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thu nhập HĐQT và Ban kiểm soát	93.000.000	-
Chi phí của các công trình	-	753.320.227
Khác	165.932.000	512.482.110
Cộng	258.932.000	1.265.802.337

15. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	800.302.040	1.297.756.588
Bảo hiểm xã hội	604.168.997	1.734.317.973
Bảo hiểm thất nghiệp	165.521.653	189.587.063
Các khoản phải trả phải nộp khác	15.249.070.801	17.301.586.877
Cổ tức phải trả	2.609.710.000	2.609.821.600
Thuế Doanh thu 5% phải nộp bên Lào	-	4.531.404.299
Tiền bảo hành	5.174.932.588	1.596.728.838
Khác	7.464.428.213	8.563.632.140
Cộng	16.819.063.491	20.523.248.501

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	21.750.000.000	11.876.276.463	(620.000)	8.189.712.028	2.026.762.458	5.667.938.745	49.510.069.694
Tăng trong năm	4.347.100.000	-	-	4.863.385.466	267.937.106	4.095.966.826	13.574.389.398
Tăng vốn trong năm	4.347.100.000	-	-	-	-	4.347.100.000	4.347.100.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	4.095.966.826	4.095.966.826
Tăng khác	-	-	-	4.863.385.466	267.937.106	-	5.131.322.572
Giảm trong năm	-	3.373.657.751	-	4.347.100.000	-	5.632.531.700	13.353.289.451
Giảm khác	-	3.373.657.751	-	4.347.100.000	-	5.632.531.700	13.353.289.451
Tại ngày 31/12/2012	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	8.705.997.494	2.294.699.564	4.131.373.871	49.731.169.641
Tăng trong năm	-	-	-	1.023.597.139	214.572.653	4.315.098.092	5.553.267.884
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.315.098.092	4.315.098.092
Tăng do trích lập các quỹ	-	-	-	858.290.612	214.572.653	-	1.072.863.265
Tăng khác	-	-	-	165.306.527	-	-	165.306.527
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.598.999.912	4.598.999.912
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.291.453.059	4.291.453.059
Giảm khác	-	-	-	-	-	307.546.853	307.546.853
Tại ngày 31/12/2013	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.729.594.633	2.509.272.217	3.847.472.051	50.685.437.613

Theo Nghị quyết số 18 NQ/2013/ĐHĐCĐ ngày 27/05/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty như sau: Chia cổ tức 2.609.710.000 đồng tương ứng với 10% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 608.879.795 đồng tương ứng 14%, trích quỹ dự phòng tài chính 214.572.653 đồng tương ứng 5%, quỹ Đầu tư phát triển 858.290.612 đồng tương ứng 20%. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa thanh toán tiền cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	13.311.000.000	51,01%	13.311.000.000	51,01%
Cổ đông khác	12.786.100.000	48,99%	12.786.100.000	48,99%
Cộng	26.097.100.000	100,00%	26.097.100.000	100,00%

Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	2.609.710	2.609.710
Cổ phiếu thường	2.609.710	2.609.710
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	62	62
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
Cổ phiếu thường	2.609.648	2.609.648
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

17. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.475.198.057	105.672.876.377
Cộng	86.475.198.057	105.672.876.377
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	567.944.896	224.052.227
Doanh thu thuần	85.907.253.161	105.448.824.150

18. Giá vốn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ	63.850.308.844	90.147.253.661
Cộng	63.850.308.844	90.147.253.661

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.637.345	101.566.882
Chênh lệch tỷ giá	1.106.523.099	50.003.517
Lợi nhuận góp vốn	-	-
Hoạt động tài chính khác	1.548.642.050	-
Cộng	<u>2.706.802.494</u>	<u>151.570.399</u>

20. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	1.098.692.921	1.886.423.774
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	27.190.005	-
Chi phí tài chính khác	101.265.652	153.937.365
Cộng	<u>1.227.148.578</u>	<u>2.040.361.139</u>

21. Thu nhập khác

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.377.042.359	-
Thu nhập khác	3.187.041.108	5.468.114.475
Cộng	<u>5.564.083.467</u>	<u>5.468.114.475</u>

22. Chi phí khác

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	351.950.000	531.960.000
Phạt chậm nộp thuế	1.889.239.006	2.077.397.871
Chi phí khác	398.968	10.000.000
Cộng	<u>2.241.587.974</u>	<u>2.619.357.871</u>

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.315.098.092	4.100.676.186
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.315.098.092	4.100.676.186
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.609.748	2.546.526
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<u>1.653</u>	<u>1.610</u>

24. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng		
Tổng công ty Sông Đà	332.566.200	-
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Tổng công ty Sông Đà	4.588.429.694	4.588.429.694
Phải trả		
Tổng công ty Sông Đà	2.826.625.146	1.685.892.811

Thu nhập các thành viên Ban giám đốc như sau

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.041.493.755	1.057.403.776

25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

Địa chỉ công bố thông tin của Báo cáo tài chính Công ty mẹ : www.sdcc.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2013, Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà báo cáo UBCK Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nơi gửi :

- UBCKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Website Công ty;
- Lưu TC-KT *kh*



Phạm Văn Hùng

THỐNG KÊ
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2013

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	Trong đó			Lợi ích phi vật chất
				Lương	Thù lao	Thưởng	
1	Trịnh Văn Thới	Chủ tịch Hội đồng quản trị	305.500.000	288.000.000		17.500.000	
2	Phạm Văn Hùng	UV HĐQT + Tổng Giám Đốc	324.824.909	253.324.909	54.000.000	17.500.000	
3	Nguyễn Đại Thụ	UV HĐQT + P.TGD	260.429.965	190.929.965	54.000.000	15.500.000	
4	Nguyễn Văn Thắng	UV HĐQT	13.500.000		13.500.000	-	
5	Nguyễn Văn Tiến	UV HĐQT	45.500.000		40.500.000	5.000.000	
6	Phạm Anh Đức	UV HĐQT	59.000.000		54.000.000	5.000.000	
7	Nguyễn Minh Tiến	Nguyễn Minh Tiến	59.000.000		54.000.000	5.000.000	
8	Nguyễn Thị Lợi	Nguyễn Thị Lợi	37.900.000		32.400.000	5.500.000	
9	Nguyễn Quỳnh Trang	Nguyễn Quỳnh Trang	37.400.000		32.400.000	5.000.000	
10	Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám Đốc	238.937.926	224.437.926		14.500.000	
11	Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám Đốc	212.834.074	198.334.074		14.500.000	
12	Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám Đốc	193.966.882	179.466.882		14.500.000	
13	Phạm Văn Tích						
14	Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	140.904.330	130.404.330		10.500.000	
	Tổng cộng		1.929.698.086	1.464.898.086	334.800.000	130.000.000	